**Tuần 9**

**Ngày dạy: 5/11**

**Lớp dạy: 9/1**

**Tiết 1: LUYỆN TẬP TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**Bài 1:**

Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a) Đậu tương - Đất lành chim đậu – Thi đậu.

b) Bò kéo xe – 2 bò gạo – cua bò.

c) Sợi chỉ - chiếu chỉ - chỉ đường - chỉ vàng.

**Bài 2:**

Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại:

a) Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông, nước non, non nước.

b) Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa, quê hương xứ sở, nơi chôn rau cắt rốn.

**Bài 3:**

Tìm từ trái nghĩa với mỗi từ sau:

thật thà, giỏi giang, cứng cỏi, hiền lành, nhỏ bé, nông cạn, sáng sủa, thuận lợi, vui vẻ, cao thượng, cẩn thận, siêng năng, nhanh nhảu, đoàn kết, hoà bình.

**Bài 4**: Trường từ vựng là tập hợp tất cả các từ?

 A/ Giống nhau về từ loại.

 B/ Giống nhau một cách hoàn toàn về nghĩa.

C/ Có ít nhất một nét chung về nghĩa.

 D/ Giống nhau về âm thanh.

**Bài 5:**

 Ở văn bản“ Trong lòng mẹ”, các từ ngữ: hoài nghi, ruồng rẫy, thành kiến có thể xếp vào một trường từ vựng vì điều đó diễn tả: (thông hiểu)

A/ Sự việc, hành động liên quan đến thái độ, đạo đức, tình cảm xấu xa con người.

B/ Hành động, hoạt động của con người.

C/ Thái độ bình thường của con người

D/ Tính chất của hành động cụ thể của con người.

**Bài 6:**

Ở văn bản“ Trong lòng mẹ”, các từ ngữ: hoài nghi, ruồng rẫy, thành kiến có thể xếp vào một trường từ vựng vì điều đó diễn tả:

A/ Sự việc, hành động liên quan đến thái độ, đạo đức, tình cảm xấu xa con người.

B/ Hành động, hoạt động của con người.

C/ Thái độ bình thường của con người

D/ Tính chất của hành động cụ thể của con người.

\* Đáp án: A/ Sự việc, hành động liên quan đến thái độ, đạo đức, tình cảm xấu xa con người.

\* Rút kinh nghiệm

- Củng cố lại phần lí thuyết giúp hs nắm vững

- Cần Thêm một số bài tập

Tiết 2: LUYỆN TẬP ĐỒNG CHÍ

**I. Kiến thức cần nhớ:**

**1. Tiểu sử tác giả:** Chính Hữu: sgk

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**

**-Đồng chí:** được sáng tác vào đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc (1947)

**3. Ý nghĩa nhan đề:**

**-Đồng chí:** có nghĩa là cùng chí hướng, lí tưởng cao đẹp. Đây cũng là cách xưng hô của những người cùng trong một đoàn thể cách mạng. Đặt nhan đề bài thơ là “Đồng chí”, Chính Hữu muốn nhấn mạnh tình đồng chí chính là bản chất cách mạng của tình đồng đội gắn bó keo sơn và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.

**4. Cảm nhận và phân tích được nội dung, nghệ thuật của các bài thơ.**

**5. Giá trị nội dung:** sgk

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí”

* Rút kinh nghiệm
* Viết đoạn văn nêu cảm nhận về khổ thơ cuối bài
* Cho hs sưu tầm them một số bài thơ cùng đề tài

**Tuần 10**

**Ngày dạy: 12/11**

**Lớp dạy: 9/1**

**Tiết 1: LUYỆN TẬP BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**I. Kiến thức cần nhớ:**

**1. Tiểu sử tác giả:** Phạm Tiến Duật: sgk

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**

**-Bài thơ về tiểu đội xe không kính:** được sáng tác vào năm 1969 khi cuộc chống Mĩ đang đi vào giai đoạn ác liệt nhất, được in trong tập thơ “Vầng trăng quầng lửa”

**3. Ý nghĩa nhan đề:**

**-Bài thơ về tiểu đội xe không kính:** Mươn hình ảnh những chiếc xe không kính chắn gió và hình ảnh người lính lái xe, Phạm Tiến Duật kết hợp với hai chữ “bài thơ”, không chỉ nêu lên hiện thực khốc liệt của chiến tranh mà nhà thơ còn muốn nói về chất thơ của hiện thực ấy, chất thơ của tuổi trẻ thời kì chống Mĩ: dũng cảm, vượt lên gian khổ, nguy hiểm vì lí tưởng cao đẹp.

**4. Cảm nhận và phân tích được nội dung, nghệ thuật của các bài thơ.**

**5. Giá trị nội dung:** sgk

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí” và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs lập dàn ý bài văn nghị luận về chủ đề người lính qua bài thơ ” Đồng chí” và ” Bài thơ về tiểu đội xe không kính”
* Cho hs phân tích khổ đầu của bài thơ

**Tiết 2: LUYỆN TẬP NGHỊ LUẬN TRONG VĂN BẢN TỰ SỰ**

I. **Kiến thức cơ bản**

- Trong văn tự sự để người nghe, người đọc suy nghĩ về một vấn đề nào đó, người viết, người kể và nhân vật có khi nghị luận bằng cách nêu lên các nhận xét, phán đoán, các lí lẽ, dẫn chứng. Nội dung đó thường diễn đạt bằng các hình thức lập luận, làm cho câu chuyện thêm phần triết lí.

- Trong đoạn nghị luận, người viết ít dùng câu miêu tả trần thuật mà dùng nhiều câu khẳng định, có các quan hệ từ: nếu - thì, không những - mà còn...

**II. Luyện tập**

**BT2/SGK**

**a,**Đoạn trích “Lão Hạc”

- Nêu vấn đề: Nêu không chịu đào sâu tìm hiểu bản chất con người mà chỉ xét các hiện tượng bên ngoai thì rất dễ có ác cảm với người khác

- Phát triển vấn đề: Xuất phát từ những quy luật của tự nhiên “Một người đau chân .... che lấp mất”

- Kết thúc vấn đề: Ông giáo không lỡ giận vợ mình

Đoạn trích “Thúy Kiều báo ân báo oán”. Hoạn Thư đưa ra những lí lẽ

- Nói tới quan hệ xã hội: “Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai”

- Nói về chuyện đàn bà với nhau “Ghen tuông ấy cũng người ta thường tình”

- Nhắc nhở đạo lí làm người “Nghĩ cho khi gác viết kinh – Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”

**b,**

- Luận điểm

* Đoạn a: “Nếu ta không cố .... bao giờ ta thương”
* Đoạn b: Nói tới quan hệ xã hội: “Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai”. Nói về chuyện đàn bà với nhau “Ghen tuông ấy cũng người ta thường tình”. Nhắc nhở đạo lí làm người “Nghĩ cho khi gác viết kinh – Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo”

- Tác giả đưa ra những dẫn chứng để làm nổi bật luận điểm

- Câu văn trong văn bản tự sự thường là câu trần thuật

- Các từ ngữ dùng để lập lập là các từ ngữ mang tính chất khẳng định.

\* Rút kinh nghiệm

- Cho them bài tập để hs rèn luyện

- Viết đoạn văn kể về nhân vật vua Quang Trung có sử dụng yếu tố nghị luận

**Tuần 11**

**Ngày dạy: 19/11**

**Lớp dạy: 9/1**

**Tiết 1: LUYỆN TẬP ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

**I. Kiến thức cần nhớ:**

**1. Tiểu sử tác giả:** Huy Cận: sgk

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**

**-Đoàn thuyền đánh cá:** được sáng tác năm 1958 khi tác giả có chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh, được in trong tập “Trời mỗi ngày lại sáng”.

**4. Cảm nhận và phân tích được nội dung, nghệ thuật của các bài thơ.**

**5. Giá trị nội dung:** sgk

**II. Luyện tập**

**Câu 1:** Cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên trong khổ thơ sau:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Sóng đã cài then đêm sập cửa.

Đoàn thuyền đánh các lại ra khơi,

Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

(Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs viết đoạn văn nêu cảm nhận về hình ảnh người lao động mới
* Cho hs nêu ý nghĩa của các chi tiết nghệ thuật có trong bài thơ

**Tiết 2: LUYỆN TẬP TỔNG KẾT TỪ VỰNG**

**Câu 1:** Ý nào dưới đây nêu chính xác nhất khái niệm về từ tượng thanh?

A. Là những từ mô tả âm thanh của con người, sự vật.

B. Là những từ gợi hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

C. Là những từ miêu tả tính cách của con người.

D. Là những từ gợi tả bản chất của sự vật.

**Câu 2:** Đọc đoạn văn sau:

Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long song sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên.

(Lão Hạc)

Trong các từ sau, từ nào là từ tượng thanh?

A. Xôn xao

B. Chốc chốc

C. Vật vã

D. Mải mốt

**Câu 3:** Đọc đoạn văn sau:

Tôi mải mốt chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xôn xao ở trong nhà. Tôi xồng xộc chạy vào. Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, này lên.

(Lão Hạc, Nam Cao)

Đoạn văn trên có bao nhiều từ tượng hình?

A. 3 từ

B. 4 từ

C. 5 từ

D. 6 từ

**Câu 4:** Tìm những biện pháp tu từ được sử dụng và nêu tác dụng của chúng trong mỗi đoạn thơ sau:

1/ “Năm mươi sáu ngày đêm bom gầm bão dội

 Ta mới hiểu thế nào là đồng đội.”

(Chính Hữu – Giá từng thước đất)

2/ “Ơi chiếc xe vận tải

Ta cầm lái đi đây

Nặng biết bao ân ngãi

Qúy hơn bao vàng đầy.

(Tố Hữu – Bài ca lái xe đêm)

 3/ “Gươm mài đá, đá núi cũng mòn,

 Voi uống nước, nước sông phải cạn.”

 (Nguyễn Trãi – Bình Ngô đại cáo)

4/ “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

 Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”

 (Nguyễn Khoa Điềm – Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ)

5/ “Dưới trăng quyên đã gọi hè

 Đầu tường lửa lưu lập lòe đơm bông.”

( Nguyễn Du – Truyện Kiều)

g/ “Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông

Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào.”

(Nguyễn Bính)

6/ “Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.”

( Nguyễn Du – Truyện Kiều)

 7/ “Không có kính, rồi xe không có đèn,

 Không có mui xe, thùng xe có xước,

 Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

 Chỉ cần trong xe có một trái tim.”

( Phạm Tiến Duật – Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

8/ “Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

 Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

 Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,

 Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

( Huy Cận – Đoàn thuyền đánh cá)

9/ Heo hút cồn mây súng ngửi trời

                                                           (Tây Tiến – Quang Dũng)

10/ Mẹ !

Có nghĩa là duy nhất

Một bầu trời

Một mặt đất

Một vầng trăng

Mẹ không sống đủ trăm năm

Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát.

(Ngày xưa có mẹ - Thanh Nguyên)

11/“Trời xanh đây là của chúng ta

 Núi rừng đây là của chúng ta

 Những cánh đồng thơm ngát

 Những ngả đường bát ngát

 Những dòng sông chảy nặng phù sa...”

 (Trích “Đất nước” – Nguyễn Đình Thi)

12/ “Một dãy núi mà hai màu mây

 Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác

 Như anh với em, như Nam với Bắc

 Như đông với tây một dải rừng liền.

(Phạm Tiến Duật – Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

* Rút kinh nghiệm
* Thêm một số bài tập nâng cao
* Củng cố lại phần lí thuyết

**Tuần 12**

**Ngày dạy: 26/11**

**Lớp dạy: 9/1**

**Tiết 1: LUYỆN TẬP BÀI BẾP LỬA**

**I. Kiến thức cần nhớ:**

**1. Tiểu sử tác giả:** Bằng Việt: sgk

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**

**-Bếp lửa:** được sáng tac năm 1963, khi tác giả đang sống và học tập ngành Luật tại nước ngoài (Liên Xô)

**3. Ý nghĩa nhan đề:**

**-Bếp lửa:** “Bếp lửa” – một hình ảnh quen thuộc với mỗi gia đình Việt Nam, còn là biểu tượng của tình cảm đẹp đẽ và thiêng liêng về người bà. Lấy hình ảnh này đặt làm nhan đề cho bài thơ, Bằng Việt gợi cho chúng ta liên tưởng đến cuộc đời vất vả của người bà cùng tình yêu thương của bà dành cho cháu. Qua đó, ông muốn ca ngợi tình cảm gia đình (bà – cháu) là thiêng liêng đối với con người.

**4. Cảm nhận và phân tích được nội dung, nghệ thuật của các bài thơ.**

**5. Giá trị nội dung:** sgk

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:** Viết đoạn văn từ 10 đến 15 dòng để nêu cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài “Bếp lửa” của Bằng Việt.

* Rút kinh nghiệm
* Nhấn mạnh ý nghĩa hình ảnh bếp lửa
* Hướng hs viết đoạn văn về chủ đề tình cảm gia đình ( Tình cảm bà cháu)

**Tiết 2: LUYỆN TẬP BÀI ÁNH TRĂNG**

**I. Kiến thức cần nhớ:**

**1. Tiểu sử tác giả:** Nguyễn Duy: sgk

**2. Xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác:**

**-Ánh trăng:** được viết năm 1978, khi hòa bình được lập lại 3 năm. Bài thơ được in trong tập thơ cùng tên.

**3. Ý nghĩa nhan đề:**

**-Ánh trăng:** Mượn hình ảnh “ánh trăng” đăt làm nhan đề cho bài thơ, Nguyễn Duy muốn gửi gắm một tiếng lòng, suy ngẫm, lời nhắc nhở, cảnh tỉnh đối với mỗi con người chúng ta về thái độ sống ân nghĩa, thủy chung với cuộc đời, với chính mình.

**4. Cảm nhận và phân tích được nội dung, nghệ thuật của các bài thơ.**

**5. Giá trị nội dung:** sgk

**II. Luyện tập**

**Bài tập 1:** Trong bài thơ “Ánh trăng”, hãy cho biết đâu là sự kiện bước ngoặt để nhân vật trữ tình bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm?

* Rút kinh nghiệm
* Cho hs viết đoạn văn về bài học được rút ra sau khi học xong văn bản: Sống ân tình thủy chung.